

Cấu trúc năng lực sáng tạo của học sinh trong đọc hiểu văn bản văn học

Nguyễn Thị Thanh Nga

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: ngavnincom@gmail.com

TÓM TẮT: Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới hướng tới mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó có năng lực sáng tạo. Từ định hướng trên, bài viết tập trung làm rõ cấu trúc năng lực sáng tạo của học sinh trong đọc hiểu văn bản văn học. Bài viết trình bày tổng quan một số quan niệm về năng lực sáng tạo, năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra quan niệm về năng lực sáng tạo trong đọc hiểu văn bản văn học, đề xuất cấu trúc năng lực sáng tạo trong đọc hiểu văn bản văn học với các thành tố và chỉ số cụ thể. Tác giả bài viết đồng thời đã thiết lập được bảng mô tả đường phát triển năng lực sáng tạo của học sinh trong đọc hiểu văn bản văn học với các mức độ từ thấp đến cao.

TỪ KHÓA: Chương trình; năng lực sáng tạo; cấu trúc năng lực sáng tạo; đọc hiểu; văn bản văn học; trường trung học cơ sở.

→ Nhận bài 10/11/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 16/12/2018 → Duyệt đăng 25/01/2019.

1. Đặt vấn đề

Theo chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn, mục tiêu hướng tới của môn Ngữ văn ngoài việc phát triển những phẩm chất cao đẹp cho học sinh (HS), còn: “Góp phần giúp HS phát triển các năng lực (NL) chung như NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, CT môn Ngữ văn giúp HS phát triển NL ngôn ngữ và NL thẩm mỹ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; cung cấp hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về văn học và tiếng Việt, để góp phần phát triển vốn học vấn căn bản của một người có văn hoá; hình thành và phát triển con người nhân văn, biết tiếp nhận, cảm thụ, thưởng thức, đánh giá các sản phẩm ngôn từ và các giá trị cao đẹp trong cuộc sống” [1]. Như vậy, CT môn Ngữ văn đã bắt kịp xu hướng quốc tế trong việc hướng tới phát triển NL người học. Ngoài các NL chuyên môn đặc thù như NL ngôn ngữ và NL văn học, môn Ngữ văn còn nhằm phát triển các NL chung trong đó có NLST. Đây là một trong những NL quan trọng, không thể thiếu của công dân thế kỉ XXI.

Môn học nào cũng cần có nhiệm vụ phát triển NLST người học. Tuy nhiên, do đặc thù môn học, với mỗi lĩnh vực lại có những đặc trưng riêng. Khác với các môn khoa học, cảm thụ nghệ thuật bắt đầu từ sự tái tạo lại hình tượng văn học để rồi đi đến những sự sáng tạo rất riêng ở mỗi một đối tượng tiếp nhận. Từ Truyện Kiều của Nguyễn Du, mỗi người có một nàng Kiều của riêng mình, và ở cùng một con người nàng Kiều của ngày hôm nay có thể khác nàng Kiều của nhiều những năm sau đó. “Sáng tạo trong văn chương vì vậy là vô hạn” và cũng là bất buộc, là đặc thù bởi *bản chất của cảm thụ văn chương là sáng tạo*. Chính vì vậy, một trong những trách nhiệm của người thầy là làm sao khơi nguồn được sự sáng tạo, thổi bùng lên ngọn lửa sáng tạo và phát triển NLST đó ở người học. Nhưng làm thế nào để phát triển được NLST của người học trong môn Ngữ văn. Thực tế qua việc giảng dạy và dự giờ ở nhà trường phổ thông cho thấy môn học này đang thiếu đi sự sáng tạo khi phương pháp dạy học chủ đạo của GV vẫn là thuyết trình, HS

thụ động nghe giảng. Để giải quyết thực trạng trên, chúng tôi cho rằng cần làm rõ bản chất khái niệm sáng tạo, NLST thể hiện trong môn Ngữ văn, trong đọc hiểu VBVH, phân giải cấu trúc của NLST từ đó xây dựng đường phát triển NLST của HS trong môn Ngữ văn với các chỉ báo cụ thể. Trên cơ sở đó, GV có những biện pháp tác động phù hợp nhằm phát triển NLST của người học và giúp cho việc đánh giá đạt hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn

Theo kinh nghiệm của các nước, khi xác định các NL trong môn học cần thể hiện được: quan niệm về NL, các thành tố của NL, các chỉ số biểu hiện cụ thể của từng thành tố và theo các mức độ khác nhau, từ đó thiết lập đường phát triển NL. Đây chính là cơ sở để xác định mạch nội dung và thiết lập chuẩn đầu ra NL của môn học. Theo đó, để xác định được cấu trúc của NLST trong môn Ngữ văn, cần làm rõ khái niệm NLST.

2.1.1. Khái niệm năng lực sáng tạo

Nghiên cứu về NLST ở các lĩnh vực khác nhau xuất hiện khá nhiều trong những năm gần đây. Các tác giả đã cố gắng làm rõ và đưa ra những cách diễn đạt khác nhau về NLST.

Nghiên cứu về NLST, tác giả Huỳnh Văn Sơn cho rằng: “NLST là khả năng tạo ra những cái mới hoặc giải quyết vấn đề một cách mới mẻ của con người” [2]. Cùng quan điểm trên, tác giả Trần Thị Bích Liễu đã đưa ra quan điểm: “NLST được xem là khả năng của một người sản sinh các ý tưởng mới, nhìn nhận vấn đề theo cách mới, phát hiện cái mới trong cấu trúc cũ của sự vật hiện tượng để tạo ra các sản phẩm mới. Sản phẩm của sáng tạo là ý tưởng, vật dụng mới, cấu trúc mới” [3].

Tác giả Hoàng Thị Thúy Hương cho rằng: “NLST là NL tìm thấy những ý nghĩa mới, những mối quan hệ mới,

những ý tưởng mới, là NL chứa đựng sự khám phá, sự phát minh, sự đổi mới độc đáo...khi giải quyết vấn đề và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả” [4].

Theo tác giả Phạm Thị Bích Đào: “NLST là khả năng thực hiện được những điều sáng tạo, là quá trình hình thành những ý tưởng mới, tạo ra sản phẩm mới hoặc đưa ra những cách thức mới nhận xét sự vật. NLST của mỗi cá nhân thể hiện ở chỗ cá nhân đó có thể mang lại những giá trị mới, những sản phẩm mới có ý nghĩa” [5].

Tuy cách diễn đạt có phần khác nhau nhưng các tác giả đã có những điểm chung trong nỗ lực định nghĩa về NLST với các từ chia khóa như: khả năng làm ra cái mới, riêng biệt, độc đáo, ý tưởng, giải pháp, hiệu quả, hữu ích...Như vậy, có thể khẳng định: *NLST chính là khả năng làm ra cái mới gồm ý tưởng mới, giải pháp mới, sản phẩm mới ở những mức độ khác nhau, là cách giải quyết vấn đề trong học tập, cuộc sống theo một cách riêng biệt, mới mẻ và có hiệu quả dựa trên nền tảng kiến thức, kỹ năng và phẩm chất.*

Cũng như các NL khác, NLST được thể hiện và đo lường thông qua hành động. Không ít ý kiến cho rằng NLST chỉ có ở những thiên tài và mang tính bẩm sinh. Tuy nhiên, với quan niệm trên về NLST, chúng tôi cho rằng NLST không phải là điều thần bí, xa vời mà sẵn có ở mỗi người, ở mọi lứa tuổi và biểu hiện ở những mức độ khác nhau.

2.1.2. Cấu trúc năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn

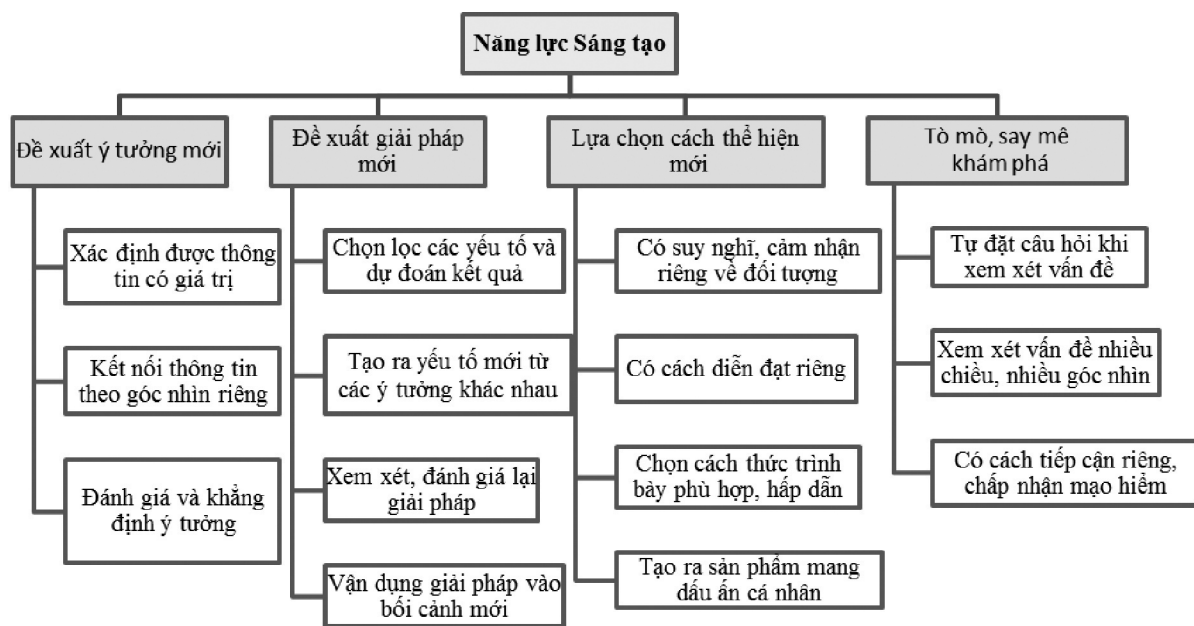
CT GDPT mới đề cập đến NLST như một trong những NL chung cần được hình thành và phát triển ở mỗi người học, qua các môn học. Với môn Ngữ văn, NLST được thể hiện như sau: “Môn Ngữ văn trong CT giáo dục mới đề cập đến vai trò HS với tư cách là bạn đọc tích cực, chủ động không chỉ trong tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Qua việc học môn Ngữ văn, HS có kỹ năng viết, bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng

theo cách sáng tạo. Qua quá trình rèn luyện từ thấp đến cao, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới trong học tập và cuộc sống, suy nghĩ không theo lối mòn, nhờ đó đề xuất được các giải pháp phù hợp với bối cảnh” [1]. Như vậy, NLST trong môn Ngữ văn được thể hiện ở cả tạo lập văn bản và tiếp nhận văn bản. Với tạo lập văn bản, NLST thể hiện trong nói và viết, với tiếp nhận văn bản, NLST thể hiện chủ yếu trong đọc.

Chưa có nhiều những nghiên cứu về cấu trúc NLST trong môn Ngữ văn. Tác giả Nguyễn Thị Hồng Vân trên cơ sở phân tích các biểu hiện của NLST trong môn Ngữ văn đã đề xuất mô hình cấu trúc NLST trong môn Ngữ văn theo các thành phần NL và các chỉ số được thể hiện như sau [6] (Xem Hình 1).

Sắp xếp các chỉ số trong sơ đồ ở Hình 1 theo mức độ từ thấp đến cao, tác giả cũng đã đồng thời đưa ra bảng mô tả đường phát triển NLST của HS trong môn học Ngữ văn.

Chúng tôi cơ bản đồng ý với đề xuất của tác giả. Chúng tôi cũng cho rằng cấu trúc của bất kì một NL nào cũng được xác định dựa trên ba thành tố cốt lõi của NL đó là: Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất (động cơ, thái độ, ý chí...) của người học. Bởi vậy cấu trúc của NLST cũng sẽ bị chi phối bởi nhiều yếu tố ảnh hưởng. Theo chúng tôi, có bốn yếu tố ảnh hưởng đến NLST của người học trong môn Ngữ văn: *đặc điểm nhiệm vụ học tập, môi trường và bối cảnh, kiến thức nền của người học, nhân cách người học.* Để có khả năng sáng tạo ra cái mới trong môn Ngữ văn nói chung và đọc hiểu nói riêng, HS phải được trang bị kiến thức nền về tác giả, tác phẩm, hiểu thấu đáo nội dung, ý nghĩa và đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm đó. Mặt khác, HS cần có *môi trường sáng tạo.* HS sẽ sáng tạo hơn khi GV tạo cơ hội, khích lệ, động viên bằng những hành động, lời nói cụ thể. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến môi trường vật chất và môi trường tinh thần trong lớp học. Ngoài ra, NLST còn bị



Hình 1: Mô hình cấu trúc NLST trong môn Ngữ văn

chi phối bởi yếu tố *nhân cách người học*. HS không chỉ có khả năng nhận thức mà còn có niềm say mê, óc tò mò, ham tìm tòi khám phá. Một yếu tố nữa cũng không kém phần quan trọng thúc đẩy sự sáng tạo của người học là *đặc điểm nhiệm vụ học tập*. Với môn Ngữ văn, để phát triển NLST của HS, nhiệm vụ học tập cần hứng thú, hấp dẫn. Các tác phẩm văn học cần có nhiều vấn đề, nhiều khoảng trống để người đọc sáng tạo, đưa ra những ý kiến, quan điểm riêng cá nhân mình.

2.3. Cấu trúc năng lực sáng tạo của học sinh trong đọc hiểu bản bản văn học

NLST của HS trong đọc hiểu văn bản văn học (VBVH) là việc làm ra cái mới, có ý nghĩa từ văn bản đối với bản thân (giá trị mới) và xã hội. Cái mới đó là cách nhìn mới, giá trị mới, sự vận dụng mới mẻ vào giải quyết những vấn đề đời sống và xã hội, là sáng tạo ra sản phẩm mới trên cơ sở gợi ý của văn bản.

Dựa trên bảng cấu trúc NLST trong môn Ngữ văn của tác giả Nguyễn Hồng Vân, bảng mô tả cấu trúc NLST và giải

quyết vấn đề của CT GDPT tổng thể, bảng mô tả cấu trúc NL đọc hiểu của tác giả Đoàn Thị Thanh Huyền [7], chúng tôi đề xuất bảng mô tả cấu trúc NLST trong đọc hiểu VBVH như sau (xem Bảng 1).

2.4. Đường phát triển năng lực sáng tạo của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Sắp xếp các chi số trong sơ đồ theo các mức độ từ thấp đến cao, chúng tôi thiết lập được bảng mô tả đường phát triển NLST của HS trong đọc hiểu VBVH như sau (xem Bảng 2).

Đối chiếu với các mức độ phát triển NL thì HS tiểu học có thể đạt mức 3; trung học cơ sở có thể đạt mức 4, thậm chí mức 5 và trung học phổ thông có thể đạt mức 5 hoặc trên mức 5. Tuy nhiên, với những HS xuất sắc, các em có thể đạt mức độ cao hơn so với trung bình của cấp, thậm chí vượt cả mức 5 song cũng có em chưa thể đạt được mức 1. Vì vậy, đường phát triển NL nói chung thường được mô phỏng bởi mũi tên hai chiều, để có thể tiếp tục mô tả và điều chỉnh sao cho phù hợp với đối tượng được đánh giá.

Bảng 1: Cấu trúc NLST của HS trong đọc hiểu VBVH

NLST của HS trong đọc hiểu VBVH		
Thành tố	Chỉ báo	Biểu hiện
1. Hình dung lại thế giới nghệ thuật của văn bản theo cảm nhận của cá nhân	1.1. Dựng lại được thế giới nghệ thuật trong VBVH	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung cốt lõi của văn bản. - Dựng lại được thế giới nghệ thuật trong văn bản bằng ngôn ngữ của cá nhân. - Tái hiện lại được một phần thế giới nghệ thuật trong văn bản bằng các hình thức khác (vẽ, viết, kịch...).
	1.2. Có cách diễn đạt thế giới nghệ thuật mới mẻ theo ngôn ngữ, cách nhìn của cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng những ngôn ngữ riêng (từ ngữ, cách diễn đạt) của bản thân để kể lại được văn bản. - Tái tạo lại thế giới nghệ thuật trên cơ sở rút gọn, tóm tắt một số chi tiết trong văn bản. - Tái tạo lại thế giới nghệ thuật của văn bản trên cơ sở tưởng tượng thêm một số chi tiết mới.
2. Phát hiện và lí giải theo cách riêng của mình về các yếu tố của văn bản (Nội dung và Nghệ thuật)	2.1. Phát hiện vấn đề mới lạ trong văn bản, tự đặt câu hỏi về các vấn đề đó	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra cái mới trong nghệ thuật thể hiện (chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ...). - Phát hiện ra sự độc đáo trong cách nhìn, ý tưởng, quan niệm của tác giả thể hiện trong văn bản. - Tự đặt ra các câu hỏi thể hiện bản khoăn, suy nghĩ của cá nhân về vấn đề.
	2.2. Xem xét vấn đề của tác phẩm dưới nhiều chiều, nhiều góc nhìn	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các kiến giải khác nhau về vấn đề đặt ra trong văn bản. - Có sự so sánh, đối chiếu khi nhìn nhận một vấn đề.
	2.3. Nêu quan điểm riêng, cách nhìn riêng của cá nhân về các yếu tố trong văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn đưa ra quan điểm riêng của cá nhân. - Không e ngại khi đưa ra những quan điểm trái chiều, khác biệt. - Chấp nhận những phản hồi khác nhau về quan điểm của cá nhân mình.
3. Phát hiện giá trị văn bản theo quan điểm cá nhân	3.1. Xác định được các thông tin có giá trị từ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các thông tin cốt lõi về nội dung văn bản. - Xác định được các yếu tố nghệ thuật quan trọng của văn bản.
	3.2. Phân tích, kết nối được các thông tin theo cách nhìn riêng	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thông tin. - So sánh, đối chiếu các thông tin. - Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản theo quan điểm cá nhân.
	3.3. Đánh giá, phân tích, khẳng định giá trị của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo quan điểm cá nhân và so sánh văn bản này với văn bản khác để thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị của văn bản về nội dung theo quan điểm cá nhân. - Đánh giá giá trị nghệ thuật của văn bản theo cách nhìn riêng của cá nhân. - So sánh giữa văn bản này và văn bản khác thể hiện phát hiện sâu về nội dung và nghệ thuật. - Rút ra bài học, giá trị riêng cho bản thân từ văn bản.

NLST của HS trong đọc hiểu VB VH		
Thành tố	Chỉ báo	Biểu hiện
4. Vận dụng sáng tạo giá trị của VB VH vào đời sống cá nhân	4.1. Vận dụng sáng tạo giá trị của VB vào giải quyết các nhiệm vụ học tập	- Liên hệ, so sánh, đánh giá văn bản với các văn bản khác cùng đề tài, chủ đề. - Giải quyết được theo cách riêng của cá nhân các vấn đề liên quan đến văn bản trong các nhiệm vụ học tập.
	4.2. Vận dụng sáng tạo các giá trị của văn bản vào giải quyết các vấn đề đời sống (ứng xử, hành động, quan điểm sống, nhân cách...)	- Vận dụng những giá trị của văn bản để có thái độ, cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong hành động thực tiễn. - Vận dụng giá trị của văn bản trong việc làm thay đổi suy nghĩ, hành vi, hình thành giá trị sống của bản thân.
5. Có ý tưởng sáng tạo sản phẩm mới	5.1. Ý tưởng chuyển thể văn bản VH sang các loại hình khác (thơ, kịch, truyện...)	- Chuyển thể VB VH sang loại hình khác (thơ, truyện...). - Sân khấu hóa tác phẩm văn học. - Các hình thức nghệ thuật khác.
	5.2. Ý tưởng sáng tạo sản phẩm mới trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (sáng tác thơ, truyện, kịch, phim, hội họa...)	- Ý tưởng sáng tác tác phẩm văn học mới lấy cảm hứng, chủ đề từ văn bản. - Ý tưởng sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật khác trên cơ sở cảm hứng từ văn bản (vẽ tranh, thiết kế thời trang, điêu khắc, sáng tác âm nhạc, làm phim...).

Bảng 2: Đường phát triển NLST của HS trong dạy học đọc hiểu VB VH

Mức độ	Biểu hiện
5. Có ý tưởng tạo ra sản phẩm mới mang dấu ấn cá nhân	Có ý tưởng về việc tạo ra sản phẩm mới sau khi tiếp nhận văn bản như chuyển thể được văn bản sang các thể loại khác theo cách riêng của mình; sáng tạo các sản phẩm mới trên cơ sở gợi ý của văn bản đã đọc; sản phẩm mới phải mang màu sắc riêng của cá nhân, có ý nghĩa và có cách trình bày mới lạ, độc đáo.
4. Đánh giá, khẳng định được giá trị của tác phẩm theo cách nhìn riêng từ đó vận dụng linh hoạt sáng tạo vào đời sống và học tập	HS xác định được thông tin có giá trị từ văn bản; kết nối các thông tin theo cách nhìn riêng; biết đánh giá và khẳng định giá trị của văn bản theo quan điểm cá nhân. Biết so sánh văn bản với các văn bản khác. Từ đó HS biết vận dụng giá trị của văn bản vào giải quyết các nhiệm vụ này sinh trong học tập và đời sống.
3. Lí giải, phân tích, đánh giá theo cách riêng về các yếu tố trong văn bản	HS có thể đặt được nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; có sự lí giải đánh giá theo quan điểm riêng về một số vấn đề đặt ra trong văn bản.
2. Phát hiện các yếu tố mới, có vấn đề trong văn bản	HS phát hiện được các yếu tố mới, có vấn đề trong văn bản; có những băn khoăn, thắc mắc và mạnh dạn đặt ra được các câu hỏi xung quanh vấn đề có trong văn bản.
1. Hình dung lại thế giới nghệ thuật trong văn bản theo cảm nhận của cá nhân	HS tri giác ngôn ngữ, bước đầu hiểu văn bản, từ đó hình dung, tái tạo lại được thế giới nghệ thuật trong văn bản theo cách riêng của mình. HS diễn đạt lại thế giới hình tượng của nhà văn theo ngôn ngữ riêng, mang màu sắc cá nhân.

3. Kết luận

Trên đây mới chỉ là những phác thảo ban đầu về cấu trúc và đường phát triển NLST trong đọc hiểu VB VH. Trên thực tế, NL là một khái niệm trừu tượng, NLST cũng là một phạm trù không dễ đo đếm nên việc diễn giải và mô tả NL theo những biểu hiện cụ thể là một việc làm không dễ dàng. Để việc dạy

học đọc hiểu VB VH phát triển được NLST của HS, cụ thể với HS THCS cần tiếp tục phân tích, xác định những nhiệm vụ học tập cụ thể tương ứng với mỗi mức độ NL và theo từng lớp; đồng thời xây dựng các tiêu chí chất lượng, có minh họa bằng các ví dụ để minh họa và đánh giá được các biểu hiện NL.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, dự thảo ngày 19 tháng 11 năm 2018.
- [2] Huỳnh Văn Sơn, (2009), *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Trần Thị Bích Liễu, (2013), *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Hoàng Thị Thúy Hương, (2015), *Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập hóa học vô cơ nhằm phát triển năng lực sáng tạo trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi hóa học ở trường trung học phổ thông chuyên*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Phạm Thị Bích Đào, (2015), *Phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh trong dạy học hóa học hữu cơ chương trình Trung học phổ thông nâng cao*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Nội.
- [6] Nguyễn Thị Hồng Vân, *Xác định cấu trúc và đường phát triển một số năng lực trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 137, tháng 02, tr.50.
- [7] Đoàn Thị Thanh Huyền, (2016), *Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học ngữ văn (qua dữ liệu lớp 10)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

STRUCTURE OF STUDENTS' CREATIVE COMPETENCY IN READING LITERARY TEXTS

Nguyen Thi Thanh Nga

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
 101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
 Email: ngavnincom@gmail.com

ABSTRACT: *The general education program of new Literature aims to develop the quality and competency of learners, including creative competency. From this orientation, the article has focused on clarifying the structure of students' creative capacity in reading literary texts. The article presented some concepts of creative competence as well as creative competence in Literature. On that basis, the author has provided the concept and the structure of creative competence in reading literary texts with specific elements and indicators. The author also set up a table describing the development process of students' creative competency in reading literary texts from low to high level.*

KEYWORDS: Curriculum; creative competence; creative competence structure; reading comprehension; literary text; junior high school.